

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ LƯƠNG  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/HS-ST  
Ngày 22/6/2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LƯƠNG, TỈNH THÁI NGUYÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Hồng Nam

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Ngọc Ngu

Bà Ninh Thị Tám

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên;

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương tham gia phiên tòa:**  
Bà Trần Lan Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Phú Lương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 18/2020/TLST-HS ngày 20 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2020/QĐXXST – HS ngày 08/6/2020, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Văn B**, tên gọi khác: Không; sinh ngày: 12/3/1973.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm L8, xã V, huyện P, tỉnh T; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn N (đã chết) và bà Cao Thị P2, sinh năm 1932. Có vợ là: Đoàn Thị X, sinh năm 1978, đã ly hôn; vợ thứ hai: Lê Thị N2, sinh năm 1977; có 02 con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo không bị giam, giữ; hiện tại ngoại tại địa phương. Có mặt tại phiên tòa.

**- Bị hại:** Chị Đoàn Thị X, sinh năm 1978, địa chỉ: Xóm T3, xã V, huyện P, tỉnh T (Có mặt).

**- Người làm chứng:**

Bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1958, địa chỉ: Xóm L8, xã V, huyện P, tỉnh T

(Vắng mặt).

Anh Nguyễn Văn T4, sinh năm 1991, địa chỉ: Xóm L8, xã V, huyện P, tỉnh T (Vắng mặt).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 29/12/2019, chị Đoàn Thị X đến nhà Trần Văn B (chồng cũ của chị X đã ly hôn năm 2014) để thăm con trai là Trần Nhật T5, sinh năm 2006. Lúc này B và X xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau, B đã dùng tay phải tát 01 cái vào mặt chị X, rồi dùng gậy kim loại đường kính 3,4cm, dài 43 cm vụt 01 nhát vào chân trái làm chị X ngã khụy xuống sân. B tiếp tục vụt vào phần đùi, đầu gối hai chân chị X khoảng 04, 05 nhát, chị X kêu cứu thì được bà Nguyễn Thị T3 và anh Nguyễn Văn T4 là hàng xóm đến can ngăn. Sau đó chị X được đưa đến Trung tâm y tế huyện Phú Lương điều trị đến ngày 02/01/2020 ra viện.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 32/TgT ngày 30/01/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Thái Nguyên kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể của chị Đoàn Thị X do thương tích gây nên hiện tại là 02% (Hai phần trăm).

Về dân sự: Chị Đoàn Thị X yêu cầu bị cáo B bồi thường 10.000.000 đồng, đến nay bị cáo chưa bồi thường được cho chị X.

Về vật chứng: 01 đoạn gậy kim loại đang được bảo quản tại kho vật chứng chờ xử lý.

Tại bản Cáo trạng số 24/CT-VKSPL ngày 18 tháng 4 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương truy tố bị cáo Trần Văn B về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm a khoản 1 Điều 134 BLHS 2015.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa đã đánh giá tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội, xem xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Trần Văn B, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Văn B phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134, điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Xử phạt bị cáo Trần Văn B mức án từ 06 đến 09 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường số tiền 10.605.000 đồng theo yêu cầu của người bị hại.

Về vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy vật chứng của vụ án.

Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phần tranh luận: Bị cáo không tranh luận, không tự bào chữa, nhất trí với đề nghị của Viện kiểm sát.

Người bị hại chị X đề nghị xử lý nghiêm minh bị cáo vì bị cáo gây thương tích cho bị hại, quá trình nằm viện bị cáo không hề thăm hỏi, không bồi thường gì cho bị hại.

Bị cáo nói lời sau cùng: Chỉ muốn Hội đồng xét xử xử thế nào để bị cáo được ở nhà nuôi con và đi làm có tiền bồi thường cho chị X.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Hành vi, quyết định tố tụng của của Cơ quan điều tra Công an huyện Phú Lương, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét về hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và xác nhận bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản sự việc, thu giữ vật chứng, kết luận giám định pháp y, biên bản khám nghiệm hiện trường, lời khai của bị hại và những tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án... Do vậy, đã đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 16 giờ ngày 29/12/2019, tại nhà ở của Trần Văn B ở xóm Liên Hồng 8, xã Vô Tranh, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên, B đã dùng tay tát 1 cái và dùng gậy kim loại là hung khí nguy hiểm đánh chị Đoàn Thị X 4 đến 5 cái vào hai chân, với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 02%.

Như vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Cố ý gây thương tích*”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự. Nội dung của Điều 134 Bộ Luật hình sự quy định:

*“1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng*

*thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.*

*a. Dùng...hung khí nguy hiểm.”*

[3] Xét tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã trực tiếp xâm hại đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự tại địa phương.

[4] Xét các yếu tố về nhân thân của bị cáo thấy rằng: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Tuy nhiên với ý thức coi thường pháp luật, coi thường sức khỏe của người khác, bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.

[5] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, do vậy bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

[6] Về hình phạt: Xét tính chất của vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý, gây thương tích cho người khác nhưng không có ý thức thăm hỏi, không bồi thường khắc phục thiệt hại cho người bị hại nên cần phải có mức án nghiêm khắc đối với bị cáo và cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đảm bảo an ninh, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[7] Vật chứng của vụ án: Cần tịch thu tiêu hủy 01 đoạn dây kim loại, màu sáng, đã cũ, hình trụ tròn thông hai đầu dài 42cm, đường kính 3,4cm.

[8] Trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị hại là chị Đoàn Thị X yêu cầu bị cáo bồi thường tổn thương cơ thể do bị cáo gây ra. Xét thấy yêu cầu của bị hại là chính đáng, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 590 BLDS 2015, Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của bộ luật dân sự về thiệt hại ngoài hợp đồng, tính các khoản mà chị X được hưởng như sau:

- Biên lai tiền viện phí: 149.000 đồng.
- Tiền thuốc: 4.042.000 đồng + 880.000 đồng = 4.922.000 đồng.
- Tiền thuê phương tiện đưa người bị hại đi cấp cứu ở cơ sở y tế được tính lượt đi, lượt về: 100.000 đồng x 02 lượt = 200.000 đồng.
- Thu nhập thực tế của bị hại bị mất trong ngày nằm viện: 250.000 đồng x 5 ngày nằm viện = 1.250.000 đồng và 02 ngày điều trị ngoại trú theo chỉ định của bác sỹ: 250.000 đồng x 02 ngày = 500.000 đồng.

- Thu nhập thực tế của người chăm sóc bị hại trong thời gian điều trị: 250.000 đồng x 5 ngày nằm viện = 1.250.000 đồng.

- Tiền tổn thất tinh thần: Theo quy định tại khoản 2 Điều 590 BLDS 2015, “... mức tối đa cho một người có sức khỏe bị xâm phạm không quá năm mươi lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định”. Chị X bị tổn hại 02% sức khỏe, cần buộc bị cáo bồi thường một khoản tiền tương đương với 02 tháng lương cơ sở tại thời điểm hiện tại là 1.490.000 đồng/01tháng: 02 x 1.490.000 đồng = 2.980.000 đồng.

Cần buộc bị cáo Trần Văn B phải bồi thường cho bị hại tổng số tiền là: 11.251.000 đồng (*Mười một triệu hai trăm năm mươi một nghìn đồng*).

Tuy nhiên, tại phiên tòa, người bị hại chị X chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 10.605.000 đồng như đã kê khai, bị cáo cũng đồng ý bồi thường số tiền theo yêu cầu của bị hại, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của bị hại.

[9] Về án phí: Cần buộc bị cáo chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[10] Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[10] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về hình phạt cũng như các vấn đề khác là phù hợp nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 134, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 47, Điều 48, Điều 38 BLHS 2015; Điều 357, 468, 590 BLDS 2015; Điều 106, 135, 136 BLTTHS 2015; Luật phí, lệ phí 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn B phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

1. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Văn B 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Đoàn Thị X số tiền 10.605.000 đồng (*Mười triệu sáu trăm linh năm nghìn đồng*).

Kể từ ngày người có quyền được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền

yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 đoạn gậy kim loại, màu sáng, đã cũ, hình trụ tròn thông hai đầu dài 42cm, đường kính 3,4cm

*Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Công an huyện Phú Lương và chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Lương ngày 08/5/2020.*

4. Án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 530.250 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo, bị hại, báo cho biết được quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND Phú Lương;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- THADS Phú Lương;
- Công an Phú Lương;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp Thái Nguyên;
- THAHS- Công an tỉnh TN
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu HS, VP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Ngô Hồng Nam**

**THÀNH VIÊN HĐXX**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Hồng Nam**